

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**CHƯƠNG TRÌNH CHUYÊN SÂU MÔN TIẾNG ANH LỚP 12
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CHUYÊN**

pdfMachine

A pdf writer that produces quality PDF files with ease!

Produce quality PDF files in seconds and preserve the integrity of your original documents. Compatible across nearly all Windows platforms, simply open the document you want to convert, click "print", select the "Broadgun pdfMachine printer" and that's it! Get yours now!

I. Mục đích

- Thống nhất trên phạm vi toàn quốc kế hoạch dạy học và nội dung dạy môn tiếng Nga cho THPT chuyên;
- Thống nhất trên phạm vi toàn quốc nội dung bồi dưỡng học sinh giỏi cấp THPT.

II. Kế hoạch dạy-học

Tổng số tiết: $150\% \text{ số tiết của chương trình nâng cao (NC)} = 4 \text{ tiết/tuần (NC)} \times 150\% = 6 \text{ tiết/tuần} \times 35 \text{ tuần} = 210 \text{ tiết.}$

Trong đó:

- Học kỳ I: $18 \text{ tuần} \times 6 \text{ tiết/tuần} = 108 \text{ tiết}$
- Học kỳ II: $17 \text{ tuần} \times 6 \text{ tiết/tuần} = 102 \text{ tiết}$

III. Nội dung giảng dạy

III.1. Cấu trúc nội dung giảng dạy:

Nội dung dạy học môn tiếng Nga cho các trường THPT chuyên ngữ được xây dựng trên cơ sở:

- Chương trình (CT) và Sách giáo khoa (SGK) môn tiếng Nga nâng cao.
- Mở rộng và khai thác sâu hơn kiến thức ngôn ngữ của chương trình nâng cao.
- Nâng cao yêu cầu đối với kỹ năng ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp) và kỹ năng giao tiếp (khẩu ngữ, đọc hiểu, viết).

III.2. Nội dung chuyên sâu:

CHƯƠNG TRÌNH LỚP 12

Số tiết dành cho chuyên sâu: 2 tiết/tuần x 35 tuần = 70 tiết

NỘI DUNG NÂNG CAO		NỘI DUNG CHUYÊN SÂU
Nội dung giao tiếp	Nội dung ngôn ngữ	
Город	<ul style="list-style-type: none"> - Cấu tạo và ý nghĩa của tính động từ chủ động thời hiện tại. - планирование, остановка, стоянка, станция, супермаркет, пересадка, администрация, пробка, . . . двухместный, загородный, . . . заполнять - заполнить, задерживать (ся) - задержать (ся), расширять (ся) - расширить (ся), устранять - устранить, . . . 	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng ở mức tương đối thành thạo tính động từ chủ động thời hiện tại trong hoạt động giao tiếp theo ngữ liệu của bài. - Nâng cao khả năng vận dụng linh hoạt, sáng tạo ngữ liệu học tập vào các tình huống giao tiếp thực tế liên quan tới chủ điểm của bài.
Нравственная характеристика и внешность человека	<ul style="list-style-type: none"> - Cấu tạo và ý nghĩa của tính động từ chủ động thời quá khứ. - скромность, загар, вкус, чаепитие, зарубежье, походка, . . . положительный, отрицательный, элегантный, смуглый, загорелый, лживый, двоюродный, свойственный, характерный, немыслимый, . . . реагировать - отреагировать, выглядеть, обладать, признавать - признать, . . . 	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng ở mức tương đối thành thạo tính động từ chủ động thời quá khứ trong hoạt động giao tiếp theo ngữ liệu của bài. - Nâng cao khả năng vận dụng linh hoạt, sáng tạo ngữ liệu học tập vào các tình huống giao tiếp thực tế liên quan tới chủ điểm của bài.

<p>Погода, климат, времена года</p>	<p>- Cấu tạo và ý nghĩa của tính động từ bị động thời hiện tại.</p> <p>- метель, вьюга, бедствие, последствие, побережье, протяжённость, бизнес, . . . тропический, стихийный, разнообразный, доброжелательный, . . .</p> <p>переносить - перенести, моросить, прятать (ся) - спрятать (ся), предупреждать - предупредить, жалеть - пожалеть, ожидать (ся), эксплуатировать (ся), синеть - посинеть, . . .</p>	<p>- Sử dụng ở mức tương đối thành thạo tính động từ bị động thời hiện tại trong hoạt động giao tiếp theo ngữ liệu của bài.</p> <p>- Nâng cao khả năng vận dụng linh hoạt, sáng tạo ngữ liệu học tập vào các tình huống giao tiếp thực tế liên quan tới chủ điểm của bài.</p>
<p>Охрана природы</p>	<p>- Cấu tạo và ý nghĩa của tính động từ bị động thời quá khứ dạng đầy đủ và dạng rút gọn.</p> <p>- существование, ресурс, кризис, удовлетворение, . . .</p> <p>экологический, негативный, вредный, цифровой, пресный, нетронутый, синтетический, губительный, глобальный, . .</p> <p>окружать - окружить, выбрасывать - выбросить, иллюстрировать - проиллюстрировать, страдать - пострадать, предпринимать - предпринять, пытаться - попытаться, состояться, . . .</p>	<p>- Sử dụng ở mức tương đối thành thạo tính động từ bị động thời quá khứ trong hoạt động giao tiếp theo ngữ liệu của bài.</p> <p>- Nâng cao khả năng vận dụng linh hoạt, sáng tạo ngữ liệu học tập vào các tình huống giao tiếp thực tế liên quan tới chủ điểm của bài.</p>

<p>Наука и техника на благо человека</p>	<p>- Cấu tạo và ý nghĩa của trạng động từ thể chưa hoàn thành.</p> <p>- достижение, сомнение, ретрансляция, невесомость, технология, требование - потребность, предсказание, освоение, пространство, недостаток, эффект, . . .</p> <p>экономный, информационный, социальный, коммуникативный, заразительный, дистанционный, кратковременный, сотовый, портативный, . . .</p> <p>обмениваться - обменяться, уделяться - уделиться, усваивать - усвоить, ретранслировать, информировать - проинформировать, прогнозировать, сокращаться - сократиться, . . .</p>	<p>- Sử dụng ở mức tương đối thành thạo trạng động từ thể chưa hoàn thành trong hoạt động giao tiếp theo ngữ liệu của bài.</p> <p>- Nâng cao khả năng vận dụng linh hoạt, sáng tạo ngữ liệu học tập vào các tình huống giao tiếp thực tế liên quan tới chủ điểm của bài.</p>
<p>Спорт и здоровье</p>	<p>- Cấu tạo và ý nghĩa của trạng động từ thể hoàn thành.</p> <p>- жюри, телевидение, рекорд, прыжок, стрельба, показатель, сооружение, атлетика, зрелище, мгновение, финиш, успеваемость, преимущество, партнёр, . . .</p> <p>массовый, пассивный, значительный, неоспоримый, . . .</p> <p>пропускать - пропустить, разбираться - разобраться, рекомендовать, превышать - превысить, справляться - справиться, . . .</p>	<p>- Sử dụng ở mức tương đối thành thạo trạng động từ thể hoàn thành trong hoạt động giao tiếp theo ngữ liệu của bài.</p> <p>- Nâng cao khả năng vận dụng linh hoạt, sáng tạo ngữ liệu học tập vào các tình huống giao tiếp thực tế liên quan tới chủ điểm của bài.</p>

Искусство, литература	<p>развлечение, отражение, воспроизведение, дирижёр, декорация, фантазия, фантастика, этикет, кивок, антипатия, обмен, косметика, женственность, . . .</p> <p>многочисленный, равнодушный, зрительный, одинокий, единственный, обратный, крайний, документальный, нарядный, нейтральный, . . .</p> <p>прощаться - проститься, уточнять - уточнить, стремиться, означать, . . .</p> <p>играть роль, иметь значение, убивать время, . . .</p>	<p>- Sử dụng thành thạo, sáng tạo học liệu ngôn ngữ mới phù hợp với các tình huống giao tiếp cụ thể.</p> <p>- Bổ sung một số cách nói có liên quan tới chủ điểm đang học.</p>
Путешествие, география	<p>приключение, турбаза, турбюро, талон, благоустройство, этнограф, цивилизация, . . курортный, малолюдный, передний, задний, частный, . . .</p> <p>спускаться - спуститься, опускаться - опуститься, иметься, доставлять - доставить, соблюдать - соблюсти, ловить, торговаться, пробивать - пробить, . . .</p> <p>включать (включить) в себя, стоит иметь, по очереди, то есть, . . .</p>	<p>- Sử dụng thành thạo, sáng tạo học liệu mới vào các tình huống giao tiếp thực tế.</p> <p>- Bổ sung một số cách nói có liên quan tới chủ điểm đang học.</p>

Увлечение	<p>страсть, хобби, обаяние, . . .</p> <p>увлекать(ся) - увлечь(ся), развлекать(ся) - развлечь(ся), отвлекать(ся) - отвлечь(ся), привлекать - привлечь, . . .</p> <p>допустимо, принято, . . .</p> <p>иметь в виду, превращаться в увлечение, ощущать потребность, клуб альпинистов (собаководов, филателистов), . . .</p>	<p>- Sử dụng thành thạo, sáng tạo học liệu mới vào các tình huống giao tiếp thực tế.</p> <p>- Bổ sung một số cách nói có liên quan tới chủ điểm đang học.</p>
Праздники - Традиции - Обычаи	<p>юбилей, годовщина, десятилетие, новоселье, свадьба, ритуал, . . .</p> <p>отмечать(ся) - отметить(ся), праздновать(ся) - отпраздновать(ся), символизировать, . . .</p> <p>от всей души (от всего сердца, от имени . . .)</p> <p>желать (поздравлять), поднимать тост за . . . , . . .</p>	<p>- Sử dụng thành thạo, sáng tạo học liệu mới vào các tình huống giao tiếp thực tế.</p> <p>- Bổ sung một số cách nói có liên quan tới chủ điểm đang học.</p>
Профессия	<p>офис, шеф, секретарша, секретарь-референт, . . .</p> <p>посвящать(ся) - посвятить(ся), . . .</p> <p>работать на телефаксе (ксероксе . . .), в ответ на вопрос, иметь среднее (высшее) образование, . . .</p>	<p>- Sử dụng thành thạo, sáng tạo học liệu mới vào các tình huống giao tiếp thực tế.</p> <p>- Bổ sung một số cách nói có liên quan tới chủ điểm đang học.</p>

Изучение иностранного языка	<p>полиглот, обучение, преподавание, кругозор, квалификация, . . .</p> <p>преподавать(ся) - преподать(ся), обучать(ся), добиваться - добиться, владеть, . . .</p> <p>в связи с . . ., иначе говоря, по поводу, без колебания, учиться на врача, иметь возможность (причину), . . .</p>	<p>- Sử dụng thành thạo, sáng tạo học liệu mới vào các tình huống giao tiếp thực tế.</p> <p>- Bổ sung một số cách nói có liên quan tới chủ điểm đang học.</p>
-----------------------------	--	---

CHUẨN KIẾN THỨC VÀ KĨ NĂNG LỚP 12

<i>Chủ đề</i>	<i>Mức độ cần đạt</i>	<i>Ghi chú</i>
Город	<p>Kiến thức: - Biết cách cấu tạo, hiểu ý nghĩa của tính động từ chủ động thời hiện tại (получать → <i>получающий</i>, говорить → <i>говорящий</i>, жить → <i>живущий</i>).</p> <p>- Nắm được ý nghĩa, cách dùng một số đơn vị từ vựng có liên quan đến chủ điểm đang học: супермаркет, многоэтажный дом, общественный транспорт, уличные пробки, магазин без продавцов, заполнять - заполнить, задерживать (ся) - задержать (ся), расширять (ся) - расширить (ся), устранять - устранить, делать пересадку, ехать с остановками (без остановки).</p> <p>Kĩ năng: - Biết sử dụng ở mức tương đối thành thạo tính động từ chủ động thời hiện tại. (Они поздравляют учителя, получающего премию.)</p> <p>- Biết đối thoại về những nội dung có liên quan đến chủ điểm thành phố.</p> <p>- Đọc hiểu văn bản bằng tiếng Nga.</p> <p>- Biết tóm tắt nội dung chính của văn bản bằng lời của mình.</p>	<p>- Nâng cao chất lượng kỹ năng giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết) theo mức độ nhuần nhuyễn, nhanh nhạy và phù hợp.</p> <p>- Nâng cao chất lượng kỹ năng ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp) theo mức độ chính xác và đa dạng.</p> <p>- Mở rộng kiến thức phổ thông và đất nước học phù hợp với nhận thức và đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi học sinh trên cơ sở bổ sung văn bản (từ 1-3) có nội dung liên quan tới hệ chủ điểm của chương trình.</p> <p>- Bổ sung khối lượng từ vựng (khoảng 10-15 từ) có liên quan đến nội dung đang học: административный, заполнение, расширение, устранение, . . .</p> <p>- Bổ sung tiểu hệ thống bài tập nhằm đạt mục tiêu đề ra, đồng thời tăng thêm bài kiểm tra dạng trắc nghiệm để học sinh nắm vững kỹ năng làm bài.</p>

<i>Chủ đề</i>	<i>Mức độ cần đạt</i>	<i>Ghi chú</i>
Нравственная характеристика и внешность человека	<p>Kiến thức: - Biết cách cấu tạo, hiểu ý nghĩa của tính động từ chủ động thời quá khứ (приехать → <i>приехавший</i>, читать → <i>читавший</i>, учиться → <i>учившийся</i>).</p> <p>- Nắm được ý nghĩa, cách dùng một số đơn vị từ vựng, cách nói có liên quan đến chủ điểm đang học: выглядеть элегантно (моложе своих лет), обладать скромностью, сероглазый человек, вьющиеся волосы, средний рост, скорее худой, ходить в джинсах, носить очки.</p> <p>реагировать - отреагировать, признавать - признать, посвящать - посвятить,</p> <p>Kĩ năng:</p> <p>- Biết sử dụng ở mức tương đối thành thạo tính động từ chủ động thời quá khứ. (Мы помогаем другу, приехавшему из деревни.)</p> <p>- Có thể tham gia đối thoại về các nội dung có liên quan đến chủ điểm đang học.</p> <p>- Đọc hiểu văn bản bằng tiếng Nga.</p> <p>- Biết tóm tắt nội dung chính của văn bản bằng lời của mình.</p>	<p>- Nâng cao chất lượng kỹ năng giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết) theo mức độ nhuần nhuyễn, nhanh nhạy và phù hợp.</p> <p>- Nâng cao chất lượng kỹ năng ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp) theo mức độ chính xác và đa dạng.</p> <p>- Mở rộng kiến thức phổ thông và đất nước học phù hợp với nhận thức và đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi học sinh trên cơ sở bổ sung văn bản (từ 1-3) có nội dung liên quan tới hệ chủ điểm của chương trình.</p> <p>- Bổ sung khối lượng từ vựng (khoảng 10-15 từ) có liên quan đến nội dung đang học: реакция, признание, обладание, . . .</p> <p>- Bổ sung tiểu hệ thống bài tập nhằm đạt mục tiêu đề ra, đồng thời tăng thêm bài kiểm tra dạng trắc nghiệm để học sinh nắm vững kỹ năng làm bài.</p>

<i>Chủ đề</i>	<i>Mức độ cần đạt</i>	<i>Ghi chú</i>
Погода, климат, времена года	<p>Kiến thức: - Biết cách cấu tạo, hiểu ý nghĩa của tính động từ bị động thời hiện tại (загрязнять → <i>загрязняемый</i>, любить → <i>любимый</i>).</p> <p>- Nắm vững ý nghĩa và cách dùng một số từ và cách nói có liên quan đến chủ điểm này: влажность, последствие, побережье, протяжённость, бизнес, бедствие, погожий, стихийный, моросить, прятать (ся) - спрятать (ся), предупреждать - предупредить, жалеть - пожалеть, ожидать (ся), эксплуатировать (ся), синеть - посинеть, переносить жару (холод); Дождь льёт как из ведра.</p> <p>Kĩ năng:</p> <p>- Biết sử dụng ở mức tương đối thành thạo tính động từ bị động thời hiện tại trong trường hợp cần thiết. (Все боятся воздуха, загрязняемого заводами.)</p> <p>- Biết đối thoại về những nội dung: dự báo thời tiết, thiên tai, một số hiện tượng tự nhiên thường gặp.</p> <p>- Đọc hiểu văn bản bằng tiếng Nga.</p> <p>- Biết tóm tắt nội dung chính của văn bản bằng lời của mình.</p>	<p>- Nâng cao chất lượng kỹ năng giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết) theo mức độ nhuần nhuyễn, nhanh nhạy và phù hợp.</p> <p>- Nâng cao chất lượng kỹ năng ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp) theo mức độ chính xác và đa dạng.</p> <p>- Mở rộng kiến thức phổ thông và đất nước học phù hợp với nhận thức và đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi học sinh trên cơ sở bổ sung văn bản (từ 1-3) có nội dung liên quan tới hệ chủ điểm của chương trình.</p> <p>- Bổ sung khối lượng từ vựng (khoảng 10-15 từ) có liên quan đến nội dung đang học: предупреждение, эксплуатация, субтропический, разнообразие, . . .</p> <p>- Bổ sung tiểu hệ thống bài tập nhằm đạt mục tiêu đề ra, đồng thời tăng thêm bài kiểm tra dạng trắc nghiệm để học sinh nắm vững kỹ năng làm bài.</p>

<i>Chủ đề</i>	<i>Mức độ cần đạt</i>	<i>Ghi chú</i>
Охрана природы	<p>Kiến thức: - Biết cách cấu tạo, hiểu ý nghĩa của tính động từ bị động thời quá khứ (написать → <i>написанный</i>, получить → <i>полученный</i>, забыть → <i>забытый</i>).</p> <p>- Biết cách cấu tạo, hiểu ý nghĩa, cách dùng của tính động từ bị động thời quá khứ dạng rút gọn. (Магазин <i>закрыт</i> на обед.)</p> <p>- Nắm vững ý nghĩa và cách dùng một số từ và cách nói về chủ điểm đang học: существование, ресурс, кризис, удовлетворение, экологический, негативный, вредный, цифровой, пресный, нетронутый, синтетический, губительный, иллюстрировать - проиллюстрировать, страдать - пострадать, предпринимать - предпринять, истощаться - истощиться, пытаться - попытаться, состояться</p> <p>Kĩ năng: - Biết sử dụng ở mức tương đối thành thạo tính động từ bị động thời quá khứ trong thực tế sử dụng ngôn ngữ.</p> <p>- Có thể sử dụng học liệu mới để tham gia đối thoại về chủ đề đang học.</p> <p>- Đọc hiểu văn bản bằng tiếng Nga.</p> <p>- Biết tóm tắt nội dung chính của văn bản bằng lời của mình.</p>	<p>- Nâng cao chất lượng kỹ năng giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết) theo mức độ nhuần nhuyễn, nhanh nhạy và phù hợp.</p> <p>- Nâng cao chất lượng kỹ năng ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp) theo mức độ chính xác và đa dạng.</p> <p>- Mở rộng kiến thức phổ thông và đất nước học phù hợp với nhận thức và đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi học sinh trên cơ sở bổ sung văn bản (từ 1-3) có nội dung liên quan tới hệ chủ điểm của chương trình.</p> <p>- Bổ sung khối lượng từ vựng (khoảng 10-15 từ) có liên quan đến nội dung đang học: синтез, иллюстрация, страдание, попытка, . . .</p> <p>- Bổ sung tiểu hệ thống bài tập nhằm đạt mục tiêu đề ra, đồng thời tăng thêm bài kiểm tra dạng trắc nghiệm để học sinh nắm vững kỹ năng làm bài.</p>

<i>Chủ đề</i>	<i>Mức độ cần đạt</i>	<i>Ghi chú</i>
Наука и техника на благо человека	<p>Kiến thức: - Biết cách cấu tạo, hiểu ý nghĩa của trạng động từ thể chưa hoàn thành (читать → <i>читая</i>, молчать → <i>молча</i>, волноваться → <i>волнуясь</i>).</p> <p>- Nắm được ý nghĩa, cách dùng học liệu mới: ретрансляция, невесомость, техника - технология, требование - потребность, предсказание, освоение, экономический - экономный, информационный, заразительный, дистанционный, кратковременный, сотовый, портативный, обмениваться - обменяться, уделяться - уделить, усваивать - усвоить, информировать - проинформировать, прогнозировать, сокращаться.- сократиться.</p> <p>Kĩ năng: - Biết sử dụng ở mức tương đối thành thạo trạng động từ thể chưa hoàn thành. (Антон сидит, <i>читая</i> книгу. Лена, сильно <i>волнуясь</i>, не может говорить ни слова.)</p> <p>- Đọc hiểu văn bản bằng tiếng Nga.</p> <p>- Biết đối thoại về các nội dung thuộc chủ điểm khoa học và kĩ thuật trên cơ sở những bài đã học.</p> <p>- Biết kể tóm tắt nội dung chính của văn bản bằng lời của mình.</p>	<p>- Nâng cao chất lượng kỹ năng giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết) theo mức độ nhuần nhuyễn, nhanh nhạy và phù hợp.</p> <p>- Nâng cao chất lượng kỹ năng ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp) theo mức độ chính xác và đa dạng.</p> <p>- Mở rộng kiến thức phổ thông và đất nước học phù hợp với nhận thức và đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi học sinh trên cơ sở bổ sung văn bản (từ 1-3) có nội dung liên quan tới hệ chủ điểm của chương trình.</p> <p>- Bổ sung khối lượng từ vựng (khoảng 10-15 từ) có liên quan đến nội dung đang học: эффективность, сокращение, сократить, краткий, ...</p> <p>- Bổ sung tiểu hệ thống bài tập nhằm đạt mục tiêu đề ra, đồng thời tăng thêm bài kiểm tra dạng trắc nghiệm để học sinh nắm vững kỹ năng làm bài.</p>

<i>Chủ đề</i>	<i>Mức độ cần đạt</i>	<i>Ghi chú</i>
Спорт и здоровье	<p>Kiến thức: - Biết cách cấu tạo, hiểu ý nghĩa của trạng động từ thể hoàn thành (сделать → <i>сделав</i>, построить → <i>построив</i>, вернуться → <i>вернувшись</i>.)</p> <p>- Nắm được ý nghĩa, cách dùng ngữ liệu có liên quan tới chủ đề đang học: показатель, сооружение, успеваемость, преимущество, партнёр, массовый, пассивный, значительный, неоспоримый, пропускать - пропустить, разбираться - разобранься, рекомендовать, превышать - превьисить, справляться - справиться,</p> <p>Kĩ năng: - Biết sử dụng ở mức tương đối thành thạo trạng động từ thể hoàn thành. (<i>Сделав все уроки</i>, он пошёл на стадион.)</p> <p>- Có thể tham gia đối thoại về chủ điểm thể thao và sức khoẻ con người.</p> <p>- Đọc hiểu văn bản bằng tiếng Nga.</p> <p>- Biết tóm tắt nội dung chính của văn bản bằng lời của mình.</p>	<p>- Nâng cao chất lượng kỹ năng giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết) theo mức độ nhuần nhuyễn, nhanh nhậy và phù hợp.</p> <p>- Nâng cao chất lượng kỹ năng ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp) theo mức độ chính xác và đa dạng.</p> <p>- Mở rộng kiến thức phổ thông và đất nước học phù hợp với nhận thức và đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi học sinh trên cơ sở bổ sung văn bản (từ 1-3) có nội dung liên quan tới hệ chủ điểm của chương trình.</p> <p>- Bổ sung khối lượng từ vựng (khoảng 10-15 từ) có liên quan đến nội dung đang học: пропуск, рекомендация, превьисение, разобранься, справиться, превьисить, . . .</p> <p>- Bổ sung tiểu hệ thống bài tập nhằm đạt mục tiêu đề ra, đồng thời tăng thêm bài kiểm tra dạng trắc nghiệm để học sinh nắm vững kỹ năng làm bài.</p>

<i>Chủ đề</i>	<i>Mức độ cần đạt</i>	<i>Ghi chú</i>
Искусство, литература	<p>Kiến thức: - Nắm vững ý nghĩa, cách dùng ngữ liệu có liên quan tới chủ đề đang học: развлечение, отражение, воспроизведение, декорация, фантазия, фантастика, этикет, кивок, антипатия, обмен, косметика, женственность, многочисленный, равнодушный, одинокий, единственный, обратный, крайний, нейтральный, прощаться - проститься, стремиться, означать, играть роль, иметь значение, убивать время, . . .</p> <p>Kĩ năng: - Biết đối thoại lưu loát về các nội dung có liên quan đến chủ đề đang học. - Đọc hiểu văn bản bằng tiếng Nga. - Biết tóm tắt nội dung chính của văn bản bằng lời của mình.</p>	<p>- Nâng cao chất lượng kỹ năng giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết) theo mức độ nhuần nhuyễn, nhanh nhạy và phù hợp.</p> <p>- Nâng cao chất lượng kỹ năng ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp) theo mức độ chính xác và đa dạng.</p> <p>- Mở rộng kiến thức phổ thông và đất nước học phù hợp với nhận thức và đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi học sinh trên cơ sở bổ sung văn bản (từ 1-3) có nội dung liên quan tới hệ chủ điểm của chương trình.</p> <p>- Bổ sung khối lượng từ vựng (khoảng 10-15 từ) có liên quan đến nội dung đang học: дирижировать, кивать, уточнить, декоративный, равнодушные, стремление, уточнение, . . .</p> <p>- Bổ sung tiểu hệ thống bài tập nhằm đạt mục tiêu đề ra, đồng thời tăng thêm bài kiểm tra dạng trắc nghiệm để học sinh nắm vững kỹ năng làm bài.</p>

<i>Chủ đề</i>	<i>Mức độ cần đạt</i>	<i>Ghi chú</i>
Путешествие, география	<p>Kiến thức: Nắm vững ý nghĩa và cách dùng ngữ liệu có liên quan đến chủ đề đang học: приключение, турбаза, турбюро, талон, благоустройство, этнограф, цивилизация, курортный, малолюдный, передний, задний, частный, спускаться, опускаться, иметься, доставлять, соблюдать, ловить, торговаться, пробивать - пробить, включать (включить) в себя, стоить иметь, по очереди, то есть, . . .</p> <p>Kĩ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có thể tham gia đối thoại tương đối thành thạo, sáng tạo về chủ đề đang học. - Đọc hiểu văn bản bằng tiếng Nga. - Biết tóm tắt nội dung chính của văn bản bằng lời của mình. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao chất lượng kỹ năng giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết) theo mức độ nhuần nhuyễn, nhanh nhạy và phù hợp. - Nâng cao chất lượng kỹ năng ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp) theo mức độ chính xác và đa dạng. - Mở rộng kiến thức phổ thông và đất nước học phù hợp với nhận thức và đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi học sinh trên cơ sở bổ sung văn bản (từ 1-3) có nội dung liên quan tới hệ chủ điểm của chương trình. - Bổ sung khối lượng từ vựng (khoảng 10-15 từ) có liên quan đến nội dung đang học: соблюдать, включить, цивилизованный, доставить, опуститься, спуститься, соблюсти, . . . - Bổ sung tiểu hệ thống bài tập nhằm đạt mục tiêu đề ra, đồng thời tăng thêm bài kiểm tra dạng trắc nghiệm để học sinh nắm vững kỹ năng làm bài.

<i>Chủ đề</i>	<i>Mức độ cần đạt</i>	<i>Ghi chú</i>
Увлечение	<p>Kiến thức: Nắm vững ý nghĩa và cách dùng ngữ liệu mới có liên quan tới chủ đề đang học: норма, поведение, единство, страсть, хобби, обаяние, исключение, неповторимость, провоцировать - спровоцировать, допустимо, принято, иметь в виду, ощущать потребность, . . .</p> <p>Kĩ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng tương đối thành thạo các phương tiện ngôn ngữ đang học để trao đổi về những nội dung có liên quan đến chủ đề đang học. - Đọc hiểu văn bản bằng tiếng Nga. - Biết tóm tắt nội dung chính của văn bản bằng lời của mình. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao chất lượng kĩ năng giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết) theo mức độ nhuần nhuyễn, nhanh nhậy và phù hợp. - Nâng cao chất lượng kĩ năng ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp) theo mức độ chính xác và đa dạng. - Mở rộng kiến thức phổ thông và đất nước học phù hợp với nhận thức và đặc điểm tâm sinh lí lứa tuổi học sinh trên cơ sở bổ sung văn bản (từ 1 – 3) có nội dung liên quan đến hệ chủ đề của chương trình. - Bổ sung khối lượng từ vựng (khoảng 10 – 15) có liên quan đến nội dung đang học: привлекательность, оригинальность, ценность, проявление, провокация, обслуживать - обслужить, . . . - Bổ sung tiểu hệ thống bài tập nhằm đạt mục tiêu đề ra, đồng thời tăng thêm bài tập kiểm tra dạng trắc nghiệm để học sinh nắm vững kĩ năng làm bài.

<i>Chủ đề</i>	<i>Mức độ cần đạt</i>	<i>Ghi chú</i>
Праздники - Традиции - Обычаи	<p>Kiến thức: Nắm vững ý nghĩa và cách dùng ngữ liệu mới trong bài đang học: юбилей, годовщина, благополучие, обиход, приданое, десятилетие, новоселье, свадьба, ритуал, приобретение, знаменательный, обручальный, символизировать, от всей души (от всего сердца, от имени . . .) поднимать тост за . . ., . . .</p> <p>Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng tham gia đối thoại tương đối thành thạo về những nội dung có liên quan đến lễ hội, phong tục, tập quán. - Viết được thư chúc mừng đơn giản nhân ngày lễ. - Đọc hiểu văn bản bằng tiếng Nga.. - Biết tóm tắt nội dung chính của văn bản bằng lời của mình. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao chất lượng kỹ năng giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết) theo mức độ nhuần nhuyễn, nhanh nhậy và phù hợp. - Nâng cao chất lượng kỹ năng ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp) theo mức độ chính xác và đa dạng. - Mở rộng kiến thức phổ thông và đất nước học phù hợp với nhận thức và đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi học sinh trên cơ sở bổ sung văn bản (từ 1 – 3) có nội dung liên quan đến hệ chủ đề của chương trình. - Bổ sung khối lượng từ vựng (khoảng 10 – 15) có liên quan đến nội dung đang học: символ, брак, возрождать - возродить, приобретать - приобрести, отживать - отжить, . . . - Bổ sung tiểu hệ thống bài tập nhằm đạt mục tiêu đề ra, đồng thời tăng thêm bài tập kiểm tra dạng trắc nghiệm để học sinh nắm vững kỹ năng làm bài.

<i>Chủ đề</i>	<i>Mức độ cần đạt</i>	<i>Ghi chú</i>
Профессия	<p>Kiến thức: Nắm vững ý nghĩa và cách dùng ngữ liệu mới có liên quan tới chủ đề đang học: офис, шеф, секретарша, секретарь-референт, косметика, услуга, сервис, постельный, терпеливый, воспитанный, предпраздничный, разворачивать - развернуть, учитывать - учесть, . . .</p> <p>Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết trao đổi và phát biểu quan điểm riêng của mình về nghề nghiệp và những vấn đề có liên quan đến nghề nghiệp. - Đọc hiểu văn bản bằng tiếng Nga. - Biết tóm tắt nội dung chính của văn bản bằng lời của mình. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao chất lượng kỹ năng giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết) theo mức độ nhuần nhuyễn, nhanh nhậy và phù hợp. - Nâng cao chất lượng kỹ năng ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp) theo mức độ chính xác và đa dạng. - Mở rộng kiến thức phổ thông và đất nước học phù hợp với nhận thức và đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi học sinh trên cơ sở bổ sung văn bản (từ 1 – 3) có nội dung liên quan đến hệ chủ đề của chương trình. - Bổ sung khối lượng từ vựng (khoảng 10 – 15) có liên quan đến nội dung đang học: (энергия, энергетика, учёт, воспитание, престиж, терпеть - потерпеть, . . . - Bổ sung tiểu hệ thống bài tập nhằm đạt mục tiêu đề ra, đồng thời tăng thêm bài tập kiểm tra dạng trắc nghiệm để học sinh nắm vững kỹ năng làm bài.

<i>Chủ đề</i>	<i>Mức độ cần đạt</i>	<i>Ghi chú</i>
Изучение иностранного языка	<p>Kiến thức: Nắm vững ý nghĩa và cách dùng ngữ liệu mới có liên quan tới chủ đề đang học: полиглот, обучение, преподавание, кругозор, квалификация. регулярность, самоуверенность, колебание, дисциплина, алкоголь, давнишний, гуманитарный, вступительный, добиваться - добиться, владеть, следовать, корректировать - скорректировать, вручать - вручить, назначать - назначить, . . .</p> <p>Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng trao đổi tương đối thành thạo về việc học ngoại ngữ, trình bày quan điểm riêng về phương pháp học ngoại ngữ. - Đọc hiểu văn bản bằng tiếng Nga. - Biết tóm tắt nội dung chính của văn bản bằng lời của mình. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao chất lượng kỹ năng giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết) theo mức độ nhuần nhuyễn, nhanh nhậy và phù hợp. - Nâng cao chất lượng kỹ năng ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp) theo mức độ chính xác và đa dạng. - Mở rộng kiến thức phổ thông và đất nước học phù hợp với nhận thức và đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi học sinh trên cơ sở bổ sung văn bản (từ 1 – 3) có nội dung liên quan đến hệ chủ đề của chương trình. - Bổ sung khối lượng từ vựng (khoảng 10 – 15) có liên quan đến nội dung đang học: выпускной, алкогольный, колебаться - поколебаться, владение, вручение, назначение, . . . - Bổ sung tiểu hệ thống bài tập nhằm đạt mục tiêu đề ra, đồng thời tăng thêm bài tập kiểm tra dạng trắc nghiệm để học sinh nắm vững kỹ năng làm bài.

IV. GIẢI THÍCH VÀ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

IV.1. Kế hoạch dạy học

Tổng số tiết cho lớp 12 là 210 tiết. Trong đó 140 tiết học theo chương trình lớp 12 THPT nâng cao, số 70 tiết còn lại dành dành cho việc mở rộng kiến thức và luyện tập kỹ năng chuyên sâu. Việc phân chia cụ thể số tiết học cho mỗi phần mở rộng chuyên sâu phụ thuộc vào đối tượng học sinh và điều kiện cụ thể của từng trường.

Giữa Học kỳ I, II cần tiến hành kiểm tra giữa kỳ theo hình thức nói và viết.

IV.2. Nội dung giảng dạy

Dựa trên khung hướng dẫn nội dung chuyên sâu, nội dung tài liệu dạy học sẽ được lựa chọn (hoặc biên soạn) trên nguyên tắc đảm bảo phù hợp yêu cầu và trình độ cụ thể của học sinh tại địa phương, phát huy tối đa năng lực người học, đồng thời vẫn đảm bảo tính vừa sức, không áp đặt.

Với chủ chương phát huy toàn diện năng lực của người học, cũng như với đặc thù của bộ môn ngoại ngữ, các nội dung nghe, nói và đọc phải tạo độ mở cho việc lựa chọn tài liệu dạy các kỹ năng này theo định hướng cá thể hoá dạy học. Tuy nhiên, các giáo viên cần quan tâm đến độ phức tạp của các hiện tượng ngôn ngữ, cũng như các chủ đề phải sát hợp với nội dung chương trình tiếng Nga nâng cao. Nội dung cho kỹ năng đọc được lựa chọn theo cách mở rộng và tập trung vào chủ đề của các bài nâng cao cho lớp 12.

IV.3. Nội dung chương trình chuyên được xây dựng trên cơ sở:

- Nội dung chương trình nâng cao theo những luận điểm cơ bản của phương hướng giao tiếp cá thể hóa:
 - . Năng lực giao tiếp là mục đích cuối cùng của quá trình dạy học, còn năng lực ngôn ngữ chỉ quan trọng như phương tiện cần thiết cho năng lực giao tiếp.
 - . Lấy hành động lời nói, chương trình ứng xử lời nói và văn bản có nội dung theo chủ điểm giao tiếp làm đơn vị cơ bản dạy-học.
 - . Ngữ liệu được lựa chọn theo chức năng, đảm bảo hai nguyên tắc cơ bản: có giá trị giao tiếp và cần thiết về mặt ngôn ngữ, được trình bày theo chủ điểm giao tiếp và được phân bố theo những vòng tròn đồng tâm.
 - . Đảm bảo nội dung ngôn ngữ đất nước học và vận dụng triệt để nguyên tắc cá thể hoá dạy-học.
- Tuân thủ nguyên tắc không phá vỡ tính hệ thống của chương trình chuẩn theo công thức 8 + 4 cho từng bài nhằm mục tiêu:

- . Khai thác sâu hơn hiện tượng ngôn ngữ đang học, tăng khối lượng từ vựng có liên quan tới chủ đề đang học.
- . Nâng cao chất lượng kỹ năng khẩu ngữ thông qua việc bổ sung các loại bài tập đa dạng cho các phần cũng như bài tập có mục đích tương ứng.
- . Nâng cao chất lượng kỹ năng đọc hiểu thông qua việc bổ sung tiểu văn bản (nếu cần) cùng bài tập đi kèm cho các phần cũng như bài tập có mục đích tương ứng.

IV.4. Phương pháp và phương tiện dạy học theo chương trình chuyên cần phải:

- Đảm bảo tính thực hành giao tiếp tích cực trong quá trình dạy học.
- Đảm bảo kết hợp thực hành rèn luyện kỹ năng giao tiếp với trang bị kiến thức ngôn ngữ có hệ thống để phát huy tính tự giác, tích cực trong quá trình hình thành năng lực giao tiếp bằng tiếng Nga và phát triển năng lực trí tuệ của học sinh.
- Tính đến đặc thù của dân tộc Việt Nam trên các mặt ngôn ngữ, tâm lý, văn hóa và tâm - sinh lý lứa tuổi học sinh trung học phổ thông, tận dụng mặt chuyển di tích cực và hạn chế mặt chuyển di tiêu cực trong quá trình dạy học.
- Thiết bị dạy học cần đạt những yêu cầu cơ bản sau đây:
 - . Có bộ sách giáo khoa đảm bảo về chất lượng và đủ về số lượng cho giáo viên và học sinh.
 - . Có đủ bộ tranh, ảnh, bản đồ, biểu bảng, ... và băng tiếng, băng hình, phần mềm máy vi tính, v.v....

IV.5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

Thực hiện theo các văn bản hướng dẫn của Bộ về kiểm tra đánh giá các môn học THPT.

- Việc kiểm tra, đánh giá phải tuân thủ mục tiêu dạy học. Các bài kiểm tra phải nhằm kiểm tra 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong khuôn khổ các kiến thức ngôn ngữ qui định theo nội dung chương trình môn học.
- Đa dạng các hình thức kiểm tra. Có ưu tiên cho loại hình trắc nghiệm khách quan, nhưng cần sử dụng phù hợp với từng loại kiến thức, kỹ năng và mục đích kiểm tra. Có tỷ lệ thích đáng cho hình thức kiểm tra tự luận trong kỹ năng viết và đọc.
- Nội dung kiểm tra đánh giá phải là kỹ năng thực hiện các hành động lời nói gắn kết tạo nên chương trình ứng xử lời nói trong các tình huống giao tiếp cụ thể và kỹ năng đọc hiểu, phù hợp với yêu cầu và mức độ của chương trình ở thời điểm kiểm tra đánh giá.
- Kiểm tra đánh giá phải thông qua hoạt động lời nói dưới dạng nghe, nói, đọc, viết bằng tiếng Nga.
- Mức độ hoàn thiện của khả năng giao tiếp là căn cứ đánh giá chủ yếu, chuẩn mực ngôn ngữ là thứ yếu.

IV.6. Tài liệu tham khảo

- Chương trình và SGK tiếng Nga đại trà
- Chương trình và SGK tiếng Nga nâng cao
- Sách dạy tiếng Nga cho người nước ngoài của các Nhà xuất bản trong và ngoài nước có hệ thống chủ điểm, nội dung ngôn ngữ, đất nước học tương đương chương trình nâng cao..
- Tài liệu, sách dạy tiếng Nga có khả năng phục vụ mục tiêu chính được đặt ra.
- Tài liệu đất nước học và những tác phẩm văn học Nga trong khuôn khổ chương trình Tiếng Nga nâng cao, đồng thời phù hợp trình độ và lứa tuổi của học sinh.